

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 30-10-2019  
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Anh L.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Trần Thị H.**

2. Ông **Phùng Ngọc T.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Việt C** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:** Bà **Vương Thị C** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1853/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Mã Thị N** – Sinh năm: 1981.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Giáy.

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay vắng mặt (Đã có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn B** – Sinh năm: 1976.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh.

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay vắng mặt (Đã có đơn xin giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 26-8-2019 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là chị Mã Thị N trình bày: Chị N và anh B trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Chị N và anh B đã chung sống với nhau từ tháng 8-2003 và có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 5 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi về chung sống với nhau, chị N và anh B chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng năm 2015, thì vợ chồng chị N, anh B phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã đánh chửi lẫn nhau. Chị N và anh B sống ly thân với

nhau từ tháng 3/2017 cho đến nay. Chị N xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh B để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh B có hai con chung:

- Cháu Phạm Thu T – Sinh ngày: 10-12-2003.

- Cháu Phạm Duy N – Sinh ngày: 21-12-2011.

Hiện tại, cháu T và cháu N đang ở với anh B. Chị N có nguyện vọng sau khi ly hôn, sẽ giao cháu Phạm Thu T và cháu Phạm Duy N cho anh Phạm Văn B nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Thảo và cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn B trình bày theo lời khai tại Tòa án ngày 20-9-2019: Anh B đã nhận được toàn B đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khởi kiện tại Tòa án (bản photo) do chị N gửi cho anh qua đường bưu điện. Anh B và chị N trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Anh B và chị N đã chung sống với nhau từ tháng 8-2003 và có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 5 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi về chung sống với nhau, anh B và chị N chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng năm 2015, thì vợ chồng anh B, chị N phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã đánh chửi lẫn nhau. Nay chị N có đơn xin ly hôn với anh, anh B nhất trí ly hôn với chị N để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh B và chị N có hai con chung:

- Cháu Phạm Thu T – Sinh ngày: 10-12-2003.

- Cháu Phạm Duy N – Sinh ngày: 21-12-2011.

Hiện tại, cháu T và cháu N đang ở với anh B. Anh B có nguyện vọng sau khi ly hôn, sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thu T và cháu Phạm Duy N đến khi cháu T và cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh B không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của B luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án không tiến hành hòa giải được vì đương sự vắng mặt và có yêu cầu không tiến hành hòa giải (Chị N và anh B đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Mã Thị N vắng mặt có lý do (Chị N đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Chủ tọa phiên tòa công bố toàn B nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và

những tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Chị N có quan điểm đề nghị giải quyết cho chị N ly hôn với anh B để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về phần con chung, chị N giữ nguyên quan điểm sau khi ly hôn, chị sẽ giao cháu Phạm Thu T và cháu Phạm Duy N cho anh Phạm Văn B nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T và cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Phạm Văn B vắng mặt có lý do (Anh B đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung biên bản lấy lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của anh B. Về quan hệ hôn nhân, anh B có quan điểm nhất trí ly hôn với chị N để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về phần con chung, anh B có quan điểm sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thu T và cháu Phạm Duy N đến khi cháu T và cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh B không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” của chị Mã Thị N đối với anh Phạm Văn B.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Mã Thị N và anh Phạm Văn B ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Phạm Thu T – Sinh ngày: 10-12-2003 và cháu Phạm Duy N – Sinh ngày: 21-12-2011 cho anh Phạm Văn B – Địa chỉ: Thôn B, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Phạm Thu T và cháu Phạm Duy N trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 30-10-2019.

Chị Mã Thị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu N. Chị N có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về tài sản, công nợ: Chị N và anh B không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về tố tụng dân sự:** Chị Mã Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết việc hôn nhân của chị và anh B. Theo quy định tại Điều a khoản 1 Điều 35; Điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Mã Thị N và anh Phạm Văn B xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 02-5-2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, tỉnh Hà Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau trong công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã đánh chửi nhau. Chị N và anh B đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2017 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N có đơn xin ly hôn với anh B. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh B cuộc sống chung không hoà hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã đánh chửi lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh B là phù hợp.

**[3] Về con chung:** Chị N có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu cháu Phạm Thu T – Sinh ngày: 10-12-2003 và cháu Phạm Duy N – Sinh ngày: 21-12-2011 cho anh B nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T và cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B cũng có quan điểm nhất trí nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thu T và cháu Phạm Duy N đến khi cháu T và cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Phạm Thu T và cháu Phạm Duy N có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với anh B để đảm bảo cho cuộc sống và học tập. Do vậy cần phải giao cháu Phạm Thu T – Sinh ngày: 10-12-2003 và cháu Phạm Duy N – Sinh ngày: 21-12-2011 cho anh Phạm Văn B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Phạm Thu T và cháu Phạm Duy N trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 30-10-2019.

Chị Mã Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**[4] Về tài sản, công nợ:** Chị Mã Thị N và anh Phạm Văn B không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

**[5] Về án phí:** Chị Mã Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[6] Quyền kháng cáo:** Chị Mã Thị N và anh Phạm Văn B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 B luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

### **Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện:** Về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” của chị Mã Thị N và anh Phạm Văn B.

**2. Về quan hệ hôn nhân:** Xử chị Mã Thị N và anh Phạm Văn B ly hôn.

**3. Về con chung:** Giao cháu Phạm Thu T – Sinh ngày: 10-12-2003 và cháu Phạm Duy N – Sinh ngày: 21-12-2011 cho anh Phạm Văn B – Địa chỉ: Thôn B, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Phạm Thu T và cháu Phạm Duy N trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 30-10-2019.

Chị Mã Thị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu N. Chị N có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

**4. Về án phí:** Chị Mã Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 01163 ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang (Chị N đã nộp đủ tiền án phí).

**5. Quyền kháng cáo:** Báo cho chị Mã Thị N và anh Phạm Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- TAND tỉnh;
- UBND xã M;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lâm Anh L**

Bản án gốc thông qua tại phòng nghị án những nội dung đã T luận, các thành viên hội đồng xét xử nhất trí ký tên.

**Thành viên hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**